**Phụ lục IV**

*(Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017*

*của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: PHAN QUỐC HƯNG Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 17/01/1968 Nơi sinh: Bắc Giang

Quê quán: TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước nhận học vị: 2012

Chức danh khoa học cao nhất: Phó giáo sư Năm bổ nhiệm: 2018

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Bộ môn Khoa học đất và DDCT, khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: số 73, ngõ 62, đường Trâu Quỳ, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DĐ: 0934 504359

Fax: Email: phanhung68@gmail.com

# II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Nông nghiệp I Hà Nội; Ngành học: Nông hóa Thổ nhưỡng; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 1991; Bằng đại học 2: Ngôn ngữ Anh; Năm tốt nghiệp: 2022.

1. **Sau đại học**

* Thạc sĩ chuyên ngành: Khoa học đất; Năm cấp bằng: 2003; Nơi đào tạo: Đại học Nông nghiệp Hà Nội
* Tiến sĩ chuyên ngành: Đất và dinh dưỡng cây trồng; Năm cấp bằng: 2012; Nơi đào tạo: Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Tên luận án: **Nghiên cứu xử lý đất nông nghiệp ô nhiễm chì (Pb), đồng (Cu), kẽm (Zn) bằng biện pháp sinh học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Ngoại ngữ:** | 1. Tiếng Anh  2. | Mức độ sử dụng: thành thạo  Mức độ sử dụng: |

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nơi công tác** | **Công việc đảm nhận** |
| 1993-2005 | Trường trung học Nông nghiệp Thái Bình | Giáo viên |
| 2005-2007 | Trường trung học Nông nghiệp Thái Bình | Phó hiệu trưởng |
| 2007-2011 | Đại học Nông nghiệp Hà Nội | Giảng viên |
| 2012-2016 | Đại học Nông nghiệp Hà Nội/Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Phó bộ môn, Phó giám đốc Trung tâm |
| 2016-Nay | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Giảng viên, Giám đốc Trung tâm |

**IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

1. **Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề tài nghiên cứu** | **Năm bắt đầu/Năm hoàn thành** | **Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)** | **Trách nhiệm tham gia trong đề tài** |
| 1 | Nghiên cứu tuyển chọn một số chủng vi khuẩn và nấm rễ Arbuscular mycorrhiza fungi (AMF) có khả năng chuyển hoá, hấp thu Cu, Pb, Zn cao để cải tạo đất ô nhiễm kim loại nặng | 1/2009-12/2009 | Cấp trưởng | Chủ nhiệm |
| 2 | Phân lập, tuyển chọn các chủng nấm mốc, nấm men có khả năng chuyển hoá, hấp thu kim loại nặng cao để xử lý đất ô nhiễm | 3/2010-11/2010 | Cấp trưởng | Chủ nhiệm |
| 3 | Đánh giá chất lượng đất trồng rau tại huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | 5/2016-5/2017 | T2015-05-07TĐ  Trọng điểm cấp Học viện | Chủ nhiệm |
| 4 | Nghiên cứu tuyển chọn thực vật, vi sinh vật có khả năng hấp thu, chuyển hóa kim loại nặng để xử lý đất nông nghiệp bị ô nhiễm | 2008-2010 | Trọng điểm cấp Bộ NN&PTNT | Tham gia |
| 5 | Đánh giá khả năng phát thải khí Metan trên đất lúa khu vực đồng bằng sông Hồng | 2010-2012 | Hợp tác  quốc tế | Tham gia |
| 6 | Nghiên cứu vật liệu sinh học nhằm tái tạo thảm thực vật phủ xanh đất trồng đồi núi trọc | 2012-2013 | Trọng điểm cấp Học viện | Thư ký |
| 7 | Đánh giá chất lượng đất trồng rau tại huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | 2016-2017 | Trọng điểm cấp Học viện | Chủ nhiệm |
| 8 | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ cải tạo đất trồng rau, màu bị thoái hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | 2021-2022 | Cấp tỉnh | Chủ nhiệm |

1. **Các công trình khoa học đã công bố:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Năm công bố** | **Tên tạp chí** |
| 1 | Đánh giá hiệu quả kinh tế của một số loại hình sử dụng đất chính ở huyện Trùng Khánh-tỉnh Cao Bằng. | 2003 | Tạp chí Khoa học đất, số 19, tr 101-105 |
| 2 | Đánh giá hiệu quả các loại hình sử dụng đất ở huyện Đông Hưng-tỉnh Thái Bình. | 2006 | Tạp chí Khoa học đất, số 24, tr 111-115 |
| 3 | Bước đầu phân lập, tuyển chọn các chủng vi sinh vật xử lý đất ô nhiễm kim loại nặng | 2009 | Tạp chí Khoa học đất, số 32, tr 125-129 |
| 4 | Ảnh hưởng của vi sinh vật đến khả năng tích lũy kim loại nặng của cây Mương đứng (*Jussiaea fissendocarpa Haines)* | 2010 | Tạp chí Khoa học đất, số 34, tr 151-154 |
| 5 | Tuyển chọn một số chủng vi khuẩn và nấm rễ Arbuscular Mycorrizal Fungi (AMF) có khả năng chuyển hóa, hấp thu Cu, Pb, Zn cao để cải tạo đất ô nhiễm kim loại nặng | 2010 | Tạp chí Khoa học và Phát triển, số 5, tr 832-842 |
| 6 | Khả năng kết hợp giữa vi sinh vật và thực vật bản địa ưa nước trong xử lý đất nông nghiệp ô nhiễm kim loại nặng | 2010 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 8, tr 19-23 |
| 7 | Ảnh hưởng của một số vi sinh vật bản địa đến khả năng tích lũy kim loại nặng của một số thực vật ưa cạn | 2010 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 10, tr 15-19 |
| 8 | Tác động của một số chủng nấm mốc, nấm men tới thực vật trong xử lý đất ô nhiễm kim loại nặng (Cu, Pb, Zn) | 2011 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 6, tr 21-28 |
| 9 | Xác định tên và một số điều kiện sinh trưởng phát triển của 4 chủng vi sinh vật sử dụng trong cải tạo đất ô nhiễm kim loại nặng (Cu, Pb, Zn) | 2011 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 15, tr 28-35 |
| 10 | Nghiên cứu sử dụng vi khuẩn kích thích sinh trưởng thực vật kết hợp với thực vật để xử lý đất ô nhiễm chì | 2013 | Tạp chí Khoa học đất, số 42, tr 94-99 |
| 11 | Tuyển chọn, đánh giá vi khuẩn kích thích sinh trưởng thực vật trên đất nông nghiệp ô nhiễm kim loại nặng | 2014 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 1, tr 51-57 |
| 12 | Phân lập và tuyển chọn giống Arbuscular Mycorrhiza dùng để sản xuất vật liệu sinh học nhằm tái tạo thảm thực vật phủ xanh | 2014 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 3+4, tr 49-55 |
| 13 | Nghiên cứu xác định các nguyên liệu chính để sản xuất vật liệu sinh học nhằm tái tạo thảm thực vật phủ xanh | 2014 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 6, tr 111-116 |
| 14 | Đánh giá mức độ thoái hoá đất kỳ đầu tỉnh Thái Bình | 2016 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 7, tr 26-34 |
| 15 | Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm kim loại nặng (Cu, Pb, Zn) do hoạt động công nghiệp đến tính chất đất nông nghiệp khu vực ven Hà Nội | 2016 | Tạp chí Khoa học đất, số 48, tr 49-54 |
| 16 | Sử dụng vi sinh vật cải thiện khả năng của thực vật trong xử lý đất ô nhiễm chì, đồng, kẽm | 2016 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 10, tr 134-140 |
| 17 | Đánh giá tính chất và mức độ ô nhiễm đất nông nghiệp thuộc lưu vực sông Nhuệ tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 2016 | Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam, số 11, tr 1741-1752 |
| 18 | Đánh giá một số tính chất đất phục vụ sản xuất rau an toàn ở huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | 2017 | Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam, số 6, tr 808-816 |
| 19 | Đánh giá một số tính chất lý, hoá học đất phù sa của hệ thống đồng bằng sông Hồng ở các loại sử dụng đất | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 15, tr 29-39 |
| 20 | Đánh giá mức độ ô nhiễm kim loại nặng do hoạt động công nghiệp tại tỉnh Thái Bình | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 16, tr 21-30 |
| 21 | Đánh giá hiệu quả sử dụng đất huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 17, tr 59-67 |
| 22 | Đánh giá hiệu quả sử dụng đất huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 18, tr 31-39 |
| 23 | Đánh giá hàm lượng kim loại nặng trong đất trồng rau và một số chỉ tiêu chất lượng rau ở vùng đất phù sa ngoài đê sông Hồng, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 18, tr 68-75 |
| 24 | Thành phần và số lượng vi sinh vật trong các loại sử dụng đất nông nghiệp ô nhiễm kim loại nặng ven các khu công nghiệp thành phố Hà Nội | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 19, tr 69-75 |
| 25 | Đánh giả ảnh hưởng của địa hình và hình thức sử dụng đất đến tính chất lý, hoá học của đất bạc màu ở huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang | 2017 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 20, tr 50-59 |
| 26 | Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn phân giải xenlulo để xử lý bã thải dong riềng thành phân bón hữu cơ | 2019 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 10/2019 tr 58-66 |
| 27 | Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn đối kháng với vi khuẩn gây bệnh thối mềm trên cây lan Hồ điệp | 2020 | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT số 3+4/2020 |
| 28 | Nghiên cứu thành phần hệ vi sinh vật trong đất chuyên trồng rau tỉnh Thái Bình | 2021 | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 8/2021 tr 61-67 |
| 29 | Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ vi sinh dạng viên nén từ phân gà | 2021 | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT số 10/2021 |
| 30 | Đánh gái tình hình sản xuất và tính chất đất trồng rau, màu tỉnh Phú Thọ | 2022 | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT số 10/2022 |
| 31 | Hiện trạng quản lý và thử nghiệm xây dựng mô hình xử lý phân gà tạo nguyên liệu cho sản xuất phân bón hữu cơ tại tỉnh Phú Thọ | 2023 | Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, tập 12, số 5, 2023, tr. 29-38 |
| 32 | Nghiên cứu quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh đối kháng vi khuẩn gây bệnh thối mềm trên cây lan hồ điệp (*phalaenopsis*) | 2023 | Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, số 18/2023, tr. 64-73. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cơ quan** | *Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024*  **Người khai kí tên**  *(Ghi rõ chức danh, học vị)* |

**PGS. TS Phan Quốc Hưng**